

Số: 2395/QĐ-TCĐBVN

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BGTVT ngày 01/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đào tạo Thẩm tra viên và Quản lý Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Giấy chấp thuận Cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ số 69/GCT-TCĐBVN ngày 15/11/2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Xét đề nghị của Trung tâm Đào tạo và Thông tin tại Tờ trình số 38.20.03.20/TTr-ĐTTT ngày 20/3/2020 về việc cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho 39 học viên (số chứng chỉ từ 20-000001223 đến 20-000001261); lớp học tổ chức tại TP Đà Nẵng từ ngày 05/11/2019 đến ngày 12/11/2019.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Vụ Trưởng Vụ Tổ chức – Hành chính, Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Vụ ATGT – Bộ GTVT;
- Lưu: VT, ATGT (P).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Phan Thị Thu Hiền

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ THĂM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ

(Kèm theo Quyết định số 2395 /QĐ-TCĐBVN ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN)

TT	Số CC	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn	Điểm thi	Ghi chú
1	20-0000001223	Nguyễn Văn Hòa	Sở GTVT Bình Định	09/08/1980	Bình Định	ĐH GTVT, năm 2003, ngành Xây dựng cầu đường, KS Xây dựng cầu đường; năm 2012, ThS. Xây dựng Cầu hầm	63,5	
2	20-0000001224	Nguyễn Vĩnh Thắng	Sở GTVT Bình Định	20/12/1984	Bình Định	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2007, ngành XD Cầu Đường, KS ngành XD Cầu Đường; ĐH GTVT TP. HCM, năm 2017, ThS. Ngành Kỹ thuật XD CTGT	63	
3	20-0000001225	Nguyễn Văn Sơn	Sở GTVT Đà Nẵng	27/01/1981	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2004, ngành Xây dựng Cầu - Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	67	
4	20-0000001226	Nguyễn Văn Trường	Sở GTVT Đà Nẵng	10/01/1982	Quảng Nam	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2005, Ngành Xây dựng Cầu - Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	65	
5	20-0000001227	Nguyễn Hữu Hồ	Chi cục QLĐB III.1 - Cục QLĐB III	25/03/1974	Phú Thọ	ĐH GTVT, năm 2003, Ngành XD Cầu Đường, KS. Xây dựng Cầu Đường bộ	70	
6	20-0000001228	Nguyễn Thiên Anh Tuấn	Chi cục QLĐB III.1 - Cục QLĐB III	10/01/1974	Quảng Ngãi	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2006, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	64,5	
7	20-0000001229	Đào Như Cường	Chi cục QLĐB III.1 - Cục QLĐB III	18/07/1972	Thái Bình	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2006, Ngành Xây dựng Cầu - Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	60	

(Chữ ký)



TT	Số CC	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn	Điểm thi	Ghi chú
8	20-0000001230	Trần Quang Khải	Chi cục QLDB III.1 - Cục QLDB III	01/01/1978	Quảng Nam	Trung học GTVT khu vực II, năm 1998, Ngành học: Công trình, Chuyên ngành: Cầu Đường - Đường bộ; ĐH Bách khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2007, Ngành XD Cầu Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	62,5	
9	20-0000001231	Hồ Đắc Tiềm	Chi cục QLDB III.2 - Cục QLDB III	06/06/1980	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2005, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	64,5	
10	20-0000001232	Phạm Văn Lộc	Chi cục QLDB III.2	29/08/1988	Quảng Ngãi	ĐH GTVT TP. HCM, năm 2012, KS. Kỹ thuật XD CTGT (XD Cầu đường)	60	
11	20-0000001233	Nguyễn Văn Sơn	Chi cục QLDB III.3 - Cục QLDB III	06/12/1961	Thanh Hoá	ĐH Huế, năm 2010, Ngành Luật, Cử nhân Luật	60	
12	20-0000001234	Lê Hội Đàm	Chi cục QLDB III.3	02/9/1968	Hà Tĩnh	ĐH Huế, năm 2010, Ngành Luật, Cử nhân Luật	60	
13	20-0000001235	Đoàn Thanh Hải	Chi cục QLDB III.3 - Cục QLDB III	19/05/1972	Thanh Hoá	Trung học GTVT khu vực II, năm 2000, Ngành học: Công trình, Chuyên ngành: Cầu đường - Đường bộ; ĐH Mỏ TP. HCM, năm 2011, Ngành Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Luật, Cử nhân chuyên ngành Kinh tế Luật	65	
14	20-0000001236	Nguyễn Trọng Đạt	Chi cục QLDB III.3 - Cục QLDB III	26/04/1983	Bắc Giang	ĐH Đà Nẵng, năm 2013, Ngành Quản trị kinh doanh Cử nhân Ngành Quản trị kinh doanh	60,5	
15	20-0000001237	Phan Đình Vũ	Chi cục QLDB III.4 - Cục QLDB III	30/04/1982	TT Huế	ĐH GTVT TP. HCM, năm 2010, Ngành Xây dựng cầu đường, KS. Ngành Xây dựng cầu đường	62,5	

TT	Số CC	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn	Điểm thi	Ghi chú
16	20-0000001238	Nguyễn Xuân Phong	Chi cục QLDB III.4 - Cục QLDB III	17/07/1980	Bình Định	Trường Dạy nghề Xây dựng, năm 2001, Nghề đào tạo: Khảo sát - Địa hình; ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2012, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	65,5	
17	20-0000001239	Phạm Trương Thành Long	Đội TTTr-AT - Cục QLDB III	14/04/1975	Thái Bình	ĐH Kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng, năm 1999, Ngành Điện tử, KS. Điện tử	60	
18	20-0000001240	Phạm Thanh Bình	Đội TTTr-AT - Cục QLDB III	01/05/1972	Hà Tĩnh	ĐH GTVT, năm 1998, Ngành XD Cầu Đường, KS. Đường bộ	63,5	
19	20-0000001241	Lê Phan Duy	Cục QLDB III	07/07/1978	Đà Nẵng	ĐH Kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng, năm 2002, Ngành Xây dựng Cầu đường, KS. Ngành xây dựng Cầu đường	65	
20	20-0000001242	Lê Trần Nam	Cục QLDB III	30/07/1976	Vĩnh Phúc	ĐH Kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng, năm 1999, Ngành XD Cầu đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu đường	68,5	
21	20-0000001243	Võ Đình Thịnh	Cục QLDB III	27/09/1981	Quảng Nam	ĐH Bách Khoa - ĐH Bách khoa, năm 2005, Ngành Xây dựng Cầu - Đường, KS. Ngành xây dựng Cầu - Đường	62	
22	20-0000001244	Trần Đăng Phiên	Cục QLDB III	24/02/1964	Bình Trị Thiên (nay là T.T. Huế)	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Đà Nẵng, năm 2001, Ngành Kế toán, Cử nhân Kinh tế; ĐH Đà Nẵng - ĐH Bách Khoa, năm 2009, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	60	
23	20-0000001245	Hồ Như Ninh	Cục QLDB III	03/06/1980	Quảng Nam	ĐH Kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng, năm 2002, Ngành Xây dựng cầu đường, KS. Ngành Xây dựng cầu đường	65	
24	20-0000001246	Lê Minh Tuấn	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	07/7/1977	Quảng Trị	ĐH GTVT, năm 2000, Ngành XD Cầu Đường, KS. Xây dựng Cầu Hàm	62,5	



Handwritten signature

TT	Số CC	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn	Điểm thi	Ghi chú
25	20-0000001247	Trần Văn Thành	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	15/07/1979	Nghệ An	ĐH Kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng, năm 2003, Ngành XD cầu đường, KS. Ngành xây dựng Cầu Đường	65	
26	20-0000001248	Trần Quang Hiệp	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	27/10/1983	Nghệ An	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2006, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành xây dựng Cầu Đường	64	
27	20-0000001249	Trương Bá Tuấn	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	30/01/1980	Quảng Trị	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2006, Ngành Xây dựng Cầu - Đường, KS. Ngành xây dựng Cầu - Đường	63	
28	20-0000001250	Bùi Huy Phú	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	03/11/1979	Đà Nẵng	ĐH GTVT, năm 2008, Ngành XD Cầu Đường, KS. XD Cầu đường bộ; ĐH XD, năm 2013, Chuyên ngành: XD Đường ô tô và Đường TP, ThS. Kỹ thuật XD CTGT	60,5	
29	20-0000001251	Bùi Duy Hiếu	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	01/11/1981	Hải Phòng	ĐH Hàng Hải, năm 2005, Ngành Công trình thủy, KS. Công trình thủy; ĐH Bách khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2015, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	63,5	
30	20-0000001252	Mai Văn Dung	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	12/07/1986	Quảng Nam	ĐH Đà Nẵng - ĐH Bách Khoa, năm 2010, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành xây dựng Cầu Đường	67,5	
31	20-0000001253	Trần Hữu Bình	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	10/01/1988	Quảng Nam	ĐH Đà Nẵng - ĐH Bách Khoa, năm 2012, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành xây dựng Cầu Đường	67,5	
32	20-0000001254	Dương Thanh Bình	Trung tâm Kỹ thuật ĐB III	07/04/1990	Quảng Bình	ĐH Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2013, Ngành Xây dựng Cầu Đường, KS. Ngành Xây dựng Cầu Đường	68,5	

TT	Số CC	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn	Điểm thi	Ghi chú
33	20-0000001255	Nguyễn Văn Chiến	Ban ATGT tỉnh Bình Định	06/04/1982	Bình Định	Cao đẳng GTVT, năm 2004, Ngành Kế toán doanh nghiệp, Cử nhân Cao đẳng; ĐH Quy Nhơn, năm 2010, Ngành Kế toán, Cử nhân Kế toán; ĐH Đà Nẵng, năm 2013, ThS. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	73,5	
34	20-0000001256	Thái Phi Hoàng	Ban ATGT tỉnh Bình Định	17/4/1989	Bình Định	Dẫn lập Duy Tân, năm 2013, Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Công trình XD; ĐH GTVT TP. HCM, năm 2018, ThS. Ngành Kỹ thuật xây dựng CTGT	65	
35	20-0000001257	Lê Đức Ánh	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	01/05/1964	Thanh Hoá	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Đà Nẵng, năm 2003, Ngành Kế toán, Cử nhân Kinh tế	62,5	
36	20-0000001258	Nguyễn Văn Dũng	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	19/6/1982	Đà Nẵng	Cao đẳng GTVT II, năm 2005, Ngành học Công trình, Chuyên ngành Cầu đường - Đường bộ; ĐH GTVT, năm 2015, KS. Kỹ thuật XD CTGT	63	
37	20-0000001259	Huỳnh Văn Tào	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Krông Bông tỉnh Đắk Lắk	03/07/1978	Đà Nẵng	Cao đẳng Công nghệ Đà Nẵng, năm 2000, Ngành Kỹ thuật Điện, Cử nhân Cao đẳng; ĐH Bách khoa - ĐH Đà Nẵng, năm 2007, Ngành Xây dựng Cầu - Đường, KS. Ngành xây dựng Cầu - Đường	68	
38	20-0000001260	Nguyễn Tấn Quận	Công an huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định	11/01/1966	Bình Định	Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2007, Ngành Luật, Cử nhân Luật	64	
39	20-0000001261	Dương Văn Bát	Phòng Quản lý Đô thị huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định	02/09/1980	Bình Định	ĐH Hồng Bàng TP. HCM, năm 2006, Ngành XD Cầu Đường, KS. Xây dựng; ĐH GTVT TP. HCM, năm 2017, ThS. Ngành Kỹ thuật XD CTGT	66,5	

